

Bản án số: 05/2022/DS-PT

Ngày 24/02/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam

Các Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng

Bà Đoàn Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Sỹ C và bà Hoàng Thị T; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. (Ông Hồ Sỹ C đã chết trong quá trình giải quyết vụ án).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ông Hồ Sỹ C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Sỹ Q, anh Hồ Sỹ V; cùng địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2020). Anh Hồ Sỹ Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Sỹ C: Bà Hoàng Thị T, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị B; cùng địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Đ; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Đ: Anh Trần Xuân Th và chị Hoàng Thị Kim P; cùng địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2020); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị N; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị N: Anh Hồ Sỹ Q; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2020). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Trần Thị Thu H; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Thu H: Anh Hồ Sỹ V; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2020). Có mặt.

- Anh Trần Xuân Th và chị Hoàng Thị Kim P; cùng địa chỉ: Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Trần Xuân Th và chị Hoàng Thị Kim P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ và các tài liệu có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của các bên đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/10/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/5/2005, UBND thị xã (nay là thành phố) Đ giao quyền sử dụng đất cho gia đình bà Hoàng Thị T theo Giấy CNQSD đất số AC 705065 tại thửa đất số 104, tờ bản đồ số 18 với diện tích 700m².

Ngày 24/02/2020, Nhà nước thu hồi 22m² đất ở của gia đình bà T theo quyết định 2873/QĐ-UBND ngày 28/12/2017, nên diện tích gia đình bà T còn lại là 678m².

Ngày 23/3/2020, bà T tiến hành thủ tục để tách thửa, khi thực hiện việc cắm mốc xác định ranh giới thì phát hiện bà Lê Thị Đ đã xây dựng hàng rào lấn qua đất gia đình bà T. Bà Đ cho rằng dưới khoảng đất trống này có cống thoát nước chung của các hộ dân xung quanh là của tập thể, không thuộc quyền sử dụng của gia đình bà T nên đã xây tường bờ lô chắn ngang diện tích đất trống.

Đối với phần diện tích đất có cống thoát nước nhưng nằm trong phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị T trước đây các hộ liên quan có xin ý kiến bà T và được bà T đồng ý cho cống thoát nước đi qua phần đất

thuộc quyền sử dụng của gia đình. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Đ trả lại diện tích đất đã lấn chiếm $18,08\text{m}^2$. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng thửa đất, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó bà T yêu cầu bà Đ tháo dỡ phần hàng rào trả lại cho bà T diện tích đất đã lấn chiếm tại hai vị trí lấn chiếm là 17m^2 , trong đó vị trí lấn chiếm phần đất ở khoảng trống giữa hai nhà là 14m^2 và diện tích hình tam giác ở góc nhà bà Đ giáp bà T là 03m^2 . Tuy nhiên tại vị trí lấn chiếm 03m^2 (từ điểm 5 đến điểm 6 tại sơ đồ hiện trạng) diện tích chiều dài lấn chiếm là $3,38\text{m}$, trong đó có một đoạn tường nhà của bà Đ dài $0,74\text{m}$ chông lấn lên đất bà T nhưng bà T không yêu cầu tháo dỡ để tránh thiệt hại cho bà Đ, bà T chỉ yêu cầu tháo dỡ đoạn tường rào từ điểm tiếp giáp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T đến điểm 6-7 chú thích tại sơ đồ có kích thước dài $2,64\text{m}$; $1,92\text{m}$. Bà T rút yêu cầu đối với diện tích đất theo đơn khởi kiện là $1,08\text{m}^2$. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn có ý kiến cho rằng hiện nay gia đình bà Đ đã làm nhà mới, vị trí nhà đã được thu vào trong nên đoạn tường rào $0,74\text{m}$ không ảnh hưởng nữa do đó buộc phía bị đơn tháo dỡ để vụ án được giải quyết triệt để.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 16/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Ngày 25/6/2002, hộ ông Trần Mạnh H và bà Lê Thị Đ được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U962859 với diện tích 203m^2 . Quá trình sử dụng đất hộ bà Đ sử dụng đúng diện tích được cấp, không lấn chiếm đất của hộ bà T nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà Đ trả lại diện tích 17m^2 thì diện tích đất này là phần cống thoát nước chung của tập thể nhiều hộ dân, cống thoát nước nằm sâu dưới lòng đất trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Hoàng Thị T nên bà Đ không ký liên kết theo yêu cầu của bà T. Gia đình bà Đ không sử dụng gì đối với diện tích đất này nhưng có xây đoạn tường bờ lô để che chắn và đây là phần diện tích đất có cống thoát nước nên bà Đ không đồng ý giao trả cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện của bị đơn còn cho rằng, trên diện tích đất mà bà T khởi kiện còn có một giếng nước chung của các hộ gia đình trong xóm nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng án sơ thẩm chưa khách quan, toàn diện. Ngoài ra, anh Th và chị P cho rằng các tài sản trên đất là tài sản chung của họ gồm bà Đ, anh Th, chị P.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Hồ Sỹ Q, anh Hồ Sỹ V: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn: Yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Đ phải tháo dỡ hàng rào trả lại cho bà T diện tích đất đã lấn chiếm là 17m^2 .

Anh Trần Xuân Th và chị Hoàng Thị Kim P: Thống nhất với ý kiến của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T.

Ý kiến của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Sỹ C:

Anh Hồ Sỹ V, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị B thống nhất với ý kiến của nguyên đơn: Yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Đ phải tháo dỡ hàng rào trả lại cho bà Hoàng Thị T diện tích đất 17m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2021/DS-ST ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 175, khoản 1 Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013: Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, buộc bị đơn bà Lê Thị Đ:

- Tháo dỡ đoạn hàng rào bờ lô dài 1,69m trả lại cho bà T diện tích đất 14m² có vị trí giới hạn:

Chiều rộng phía trước giáp đường giao thông dài 1,28m;

Chiều rộng phía sau dài 0,08m; 1,69m;

Chiều dài giáp tường nhà bà Đ dài 7,15m; 4,5m;

Chiều dài giáp đất bà T thừa 104 dài 11,82m.

- Tháo dỡ đoạn hàng rào bờ lô có kích thước dài 2,64m; 1,92m trả lại cho bà Hoàng Thị T diện tích đất 03m².

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2020 và Sơ đồ hiện trạng thửa đất đề ngày 11/8/2021).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/11/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Trần Xuân Th, chị Hoàng Thị Kim P kháng cáo bản án sơ thẩm về nội dung tranh chấp. Đồng thời, đề nghị đưa ông Đỗ Thanh T, ông Trần Bình D, ông Nguyễn Tuấn Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, thư ký cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo hướng: Buộc bị đơn bà Lê Thị Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân, chị Hoàng Thị Kim P liên đới :

- Tháo dỡ đoạn hàng rào bờ lô dài 1,69m trả lại cho bà Hoàng Thị T cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm bà T, anh Hồ Sỹ Q, anh Hồ Sỹ V, chị Lê Thị N, chị Trần Thị Thu H, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị B diện tích đất 14m² có vị trí giới hạn:

Chiều rộng phía trước giáp đường giao thông dài 1,28m;

Chiều rộng phía sau dài 0,08m; 1,69m;

Chiều dài giáp tường nhà bà Đ dài 7,15m; 4,5m;

Chiều dài giáp đất bà T thừa 104 dài 11,82m.

- Tháo dỡ đoạn hàng rào bờ lô có kích thước dài 2,64m; 0,74m; 1,92m trả lại cho bà Hoàng Thị T cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm bà T, anh Hồ Sỹ Q, anh Hồ Sỹ V, chị Lê Thị N, chị Trần Thị Thu H, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị B diện tích đất 03m² có vị trí giới hạn:

-Vị trí từ số 5 - 6 sơ đồ khu đất kèm theo Biên bản thẩm định tại chỗ: 3,38m.

-Vị trí từ số 6 - 7 sơ đồ khu đất kèm theo Biên bản thẩm định tại chỗ: 1,92m.

-Vị trí từ số 5 - 7 sơ đồ khu đất kèm theo Biên bản thẩm định tại chỗ: 2,49m; 1,19m.

Bà Lê Thị Đ không chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Đ trả lại phần đất lấn chiếm trong 678m² mà gia đình bà T đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 705065. Đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai, căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ xác định quan hệ "Tranh chấp quyền sử dụng đất" và giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Trần Xuân Th, chị Hoàng Thị Kim P phù hợp với các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị đưa người làm chứng vào tham gia tố tụng:

Đối với yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Xuân Th, chị Hoàng Thị Kim P đề nghị đưa ông Đỗ Thanh T, ông Trần Bình D, anh Nguyễn Tuấn Đ cùng trú tại tổ 6A, Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng, HĐXX thấy: Hộ bà Hoàng Thị T và Lê Thị Đ đã được cấp Giấy CNQSD đất; không ai có yêu cầu xem xét tính hợp pháp của những Giấy CNQSD đất này. Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án Tòa án sẽ căn cứ vào hồ sơ địa C Giấy CNQSD đất của các hộ gia đình, kết quả thẩm định tại chỗ, cũng như pháp luật nội dung để xem xét. Ngoài ra, phần đất có giếng nước nằm ngoài diện tích đang tranh chấp không thuộc phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Nên việc đề nghị đưa người tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng có tên trên theo yêu cầu của bị đơn là không cần thiết. Do đó, không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[1.4] Xác định tư cách tham gia tố tụng:

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 962859 do Ủy ban nhân dân thị xã Đ cấp ngày 25/6/2002 cho hộ ông Trần Mạnh H, bà Lê Thị Đ. Tuy nhiên, tại phần chính lý trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ xác định bà Lê Thị Đ là người có quyền sử dụng thửa đất nói trên. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xác định bà Đ là bị đơn, vợ chồng anh Th, chị P ở chung với bà Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 và sơ đồ hiện trạng ranh giới thửa đất xác định được bà Hoàng Thị T thực tế đang sử dụng 661m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đang sử dụng thiếu 17m². Bà Lê Thị Đ hiện đang quản lý sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 198m², ngoài ra còn sử dụng diện tích đất 17m² đất là phần đất đang tranh chấp đã được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị T, trong đó diện tích đất

14m² là khoảng đất trống giữa hai hộ được bà Đ xây tường bờ lô chắn ngang với kích thước tường bờ lô dài 1,69m, cao 1,5m và diện tích đất 03m² ở cuối thửa đất được bao bọc tường bờ lô có kích thước dài 2,64m; 0,74m; 1,92m; cao 1,5m.

Mặt khác, biên bản xác minh ngày 19/8/2021 tại Ủy ban nhân dân phường 1 có nội dung: *"Tại khu vực các hộ dân thuộc tổ 6, Khu phố 4, Phường 1, thành phố Đ hiện có 01 mương thoát nước tồn tại từ lâu, chiều rộng khoảng 40cm đi dọc đường bê tông khu vực, trong đó có một đoạn mương đi ngầm qua hàng rào khuôn viên nhà bà Hoàng Thị T nằm trên diện tích đất đã cấp Giấy CNQSD đất cho hộ bà Hoàng Thị T và nối ra phía sau giáp với Công viên Fidel. Đoạn mương nước có ống dẫn nằm trong lòng đất trên phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T trên diện tích đất đó vẫn thuộc quyền sử dụng của bà Hoàng Thị T".*

Do đó, có căn cứ để xác định gia đình bà Lê Thị Đ đã xây dựng hàng rào qua phần diện tích đất mà gia đình bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Lê Thị Đ cho rằng, mặc dù cống thoát nước nằm sâu dưới lòng đất trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Hoàng Thị T nhưng cống thoát nước này sử dụng chung của nhiều hộ dân nên bà Đ đã xây đoạn tường bờ lô để che chắn và không đồng ý giao trả cho bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cống thoát nước để phục vụ chung cho một số hộ dân trong khu phố, tuy nhiên hiện nay cống thoát nước nằm trong diện tích đất đã được cấp cho bà T, việc di dời cống thoát nước hoặc nâng cấp đường ống này thuộc thẩm quyền của C quyền địa phương. Do đó, lý do bà Đ đưa ra đã xây hàng rào bờ lô chắn trên đất của bà T là không có cơ sở pháp luật. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã có văn bản số 802/UBND-QLĐT ngày 29/4/2021 trả lời kiến nghị công dân với có nội dung đã có phương án đầu tư xây dựng mương thoát nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc bà Lê Thị Đ tháo dỡ toàn bộ hàng rào xây bằng bờ lô trên phần đất lấn chiếm để trả lại cho bà Hoàng Thị T diện tích 17m² đất là chưa đúng quy định. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Hồ Sỹ C chết, cấp sơ thẩm cần phải xác định vợ và các con là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ông Hồ Sỹ C gồm: Bà Hoàng Thị T, anh Hồ Sỹ Q, anh Hồ Sỹ V, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị B. Mặt khác, quá trình sử dụng đất, gia đình bà Đ bao gồm bà Lê Thị Đ, anh Trần Xuân Th và chị Hoàng Thị Kim P đã xây dựng tường rào bờ lô nói trên, đây là tài sản chung của các thành viên gia đình bà Đ. Vì vậy, cần buộc bà Lê Thị Đ, anh Trần Xuân Th và chị Hoàng Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới tháo dỡ toàn bộ hàng rào bờ lô trên diện tích đất tranh chấp để trả lại diện tích 17m² đất cho bà Hoàng Thị T và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của Ông Hồ Sỹ C mới đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở pháp luật.

[3]. Về án phí: Vì kháng cáo được chấp nhận nên bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Lê Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 175, khoản 1 Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013: Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

1. Buộc bị đơn bà Lê Thị Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân Th, chị Hoàng Thị Kim P:

1.1. Tháo dỡ đoạn hàng rào bờ lô dài 1,69m trả lại cho bà Hoàng Thị T cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm bà Hoàng Thị T, anh Hồ Sỹ Q, anh Hồ Sỹ V, chị Lê Thị N, chị Trần Thị Thu H, chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị B diện tích đất 14m² có vị trí giới hạn:

Chiều rộng phía trước giáp đường giao thông dài 1,28m;

Chiều rộng phía sau dài 0,08m; 1,69m;

Chiều dài giáp tường nhà bà Đ dài 7,15m; 4,5m;

Chiều dài giáp đất bà T thừa 104 dài 11,82m.

1.2. Tháo dỡ đoạn hàng rào bờ lô có kích thước dài 2,64m; 0,74m; 1,92m với diện tích 03m² có vị trí tại các điểm:

-Vị trí từ số 5 - 6 có chiều dài 3,38m.

-Vị trí từ số 6 - 7 có chiều dài 1,92m.

-Vị trí từ số 5 - 7 có chiều dài 2,49m; 1,19m.

(Kèm theo Sơ đồ vị trí hiện trạng thửa đất ngày 11/8/2021).

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà Đỗ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000044 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi án hành án dân sự thành phố Đ.

- Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000719 ngày 29/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND Tp. Đông Hà;
- VKSND Tp. Đông Hà;
- Chi cục THADS Tp. Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Viết Nam